

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HS-ST

Ngày 08-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng

Thẩm phán: Ông Ngô Đề

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hồng Bôn
- Ông Dương Thanh Tuấn
- Ông Nguyễn Vạn Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

- Họ và tên: Võ Quyết Đ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990; nơi sinh: tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp B, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H, sinh năm 1968 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1970; anh chị em ruột: Có 03 người, kể cả bị cáo (Lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1995); vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1995 (Đã ly hôn); tiền sự: không; tiền án: Không; bị cáo Võ Quyết Đ bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2024 cho đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Quyết Đ: Luật sư Trần Minh N, Văn phòng L3, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T bào chữa theo chỉ định (Có mặt).

- Bị hại: Ông Trần Văn K, sinh năm 1981; địa chỉ: Số C C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho ông Trần Văn K: Bà Đoàn Thị Tú H1, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Dương Minh N1, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

2. Nguyễn Văn L, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

3. Trần Thị Mỹ T1, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

4. Đào Văn N2, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

5. Đào Văn N3, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

6. Đặng Trọng N4, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

7. Phan Văn B, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

8. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

9. Nguyễn Văn N5, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

10. Trương Văn N6, sinh năm 1969; địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

11. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1976; địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

12. Ngô Thị L1, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

13. Sỹ Văn Q, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp G, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

14. Dương Tự T3, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp G, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

15. Nguyễn Thị T4, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp P, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

16. Nguyễn Thành D, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

17. Nguyễn Văn H3, sinh năm 1939; địa chỉ: Ấp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

18. Nguyễn Thanh N7, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

19. Ngô Hoàng L2, sinh năm 1985; địa chỉ: Khóm L, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

20. Nguyễn Thị Thu B1, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

21. Châu Văn T5, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

22. Huỳnh Văn V1, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

23. Trần Ngọc N8, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

24. Trương Văn K1, sinh năm 1948; địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

25. Phạm Văn T6, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

26. Cô Văn N12, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

27. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Khóm B, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

28. Dương Văn N9, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

29. Đoàn Thị Kim T7, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

30. Nguyễn Trung T8, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

31. Hộ kinh doanh Tân Trường H4; địa chỉ trụ sở: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Duy K2, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

32. Hộ kinh doanh T10; địa chỉ: Ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trần Phương N10, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trần Văn K, nơi thường trú: Số C, C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là Phó Tổng Giám đốc Công ty liên doanh H6 (gọi tắt là Công ty H6), trụ sở tại: Lô F, Khu công nghiệp Đ, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Do nhu cầu kinh doanh cá nhân, ông Trần Văn K hợp tác với Công ty H6 thành lập hộ kinh doanh (Nhà phân phối) Tân Trường H4 và hộ kinh doanh T10 để bán các sản phẩm thức ăn, thuốc, hóa chất nuôi trồng thủy sản cho các khách hàng là người nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Để đảm bảo quy định pháp luật, ông K thuê người đứng ra làm chủ hộ kinh doanh - là người đại diện theo pháp luật và thuê nhân viên kế toán để hoạt động. Tại thời điểm này, bị cáo Võ Quyết Đ là nhân viên thị trường làm việc cho Công ty H6 được cử làm nhiệm vụ hỗ trợ kỹ thuật và phát triển khách hàng cho hộ kinh doanh T11 theo Quyết định số 0107/VH-QĐ ngày 01/12/2016. Đến khoảng tháng 8/2018, bị cáo Đ được ông K điều động hỗ trợ kinh doanh cho hộ kinh doanh T10 với nhiệm vụ tiếp thị, trực tiếp thỏa thuận với khách hàng nuôi tôm bán thức ăn, thuốc, hóa chất và thu tiền của khách hàng đem về đăng nộp cho kế toán hộ kinh doanh trong thời hạn 24 giờ. Thời gian từ năm 2017 đến tháng 11/2019, bị cáo Đ được 30 hộ nuôi tôm liên hệ để thanh toán tiền công nợ thức ăn, thuốc, hóa chất nuôi tôm cho hộ kinh doanh Tân Trường H4 và Tân Quang M. Sau khi nhận tiền, bị cáo không đăng nộp về kế toán mà đưa ra nhiều thông tin gian dối là khách hàng nuôi tôm bị thua lỗ chưa trả tiền, thương lái mua tôm chưa trả tiền cho hộ nuôi tôm nên không thu được tiền nhưng thật chất bị cáo đã thu và chiếm đoạt tổng số tiền 1.019.875.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Đối với hộ kinh doanh T11:

Được đăng ký lần đầu vào ngày 19/8/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 58F8003897 do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện C cấp; ngành, nghề kinh doanh: Bán thức ăn tôm, thuốc, hóa chất nuôi trồng thủy sản, trụ sở tại: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ông K thuê ông Huỳnh Phước H5, sinh năm 1989, nơi thường trú: Khu V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang làm chủ hộ kinh doanh là người đại diện theo pháp luật. Ngày 29/4/2020, ông Huỳnh Phước H5 nghỉ và ký bàn giao công việc người đại diện theo pháp luật tiếp theo của Tân Trường H4 cho bà Kiên Thị R, sinh năm 1972, nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 03/8/2022, bà Kiên Thị R nghỉ việc và chuyển giao lại toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh T11 cho ông Võ Duy K2, sinh năm 1999, nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện V,

tỉnh Vĩnh Long, ông K2 được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh lần đầu vào ngày 04/8/2022 cho đến nay. Trong thời gian từ năm 2017 đến tháng 8/2018, bị cáo Võ Quyết Đ được 24 hộ nuôi tôm thanh toán tiền công nợ thức ăn, thuốc, hóa chất cho hộ kinh doanh Tân Trường H4 gồm (1) Dương Minh N1, nơi thường trú: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 71.000.000 đồng; (2) Nguyễn Văn L, nơi thường trú: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 85.300.000 đồng; (3) Trần Thị Mỹ T1, nơi thường trú: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 18.700.000 đồng; (4) Đào Văn N2, nơi thường trú: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 15.000.000 đồng; (5) Đào Văn N3, nơi thường trú: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 20.000.000 đồng; (6) Đặng Trọng N4, nơi thường trú: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 77.000.000 đồng; (7) Phan Văn B, nơi thường trú: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 27.388.000 đồng; (8) Nguyễn Thị H2, nơi thường trú: Ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 123.572.000 đồng; (9) Nguyễn Văn N5, nơi thường trú: Ấp C, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền 20.000.000 đồng; (10) Trương Văn N6, nơi thường trú: Khóm A, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền 89.900.000 đồng; (11) Nguyễn Văn T2, nơi thường trú: Khóm A, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền 35.000.000 đồng; (12) Ngô Thị L1, nơi thường trú: Ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (vợ ông Lê Thanh T9, đã chết) số tiền 57.700.000 đồng; (13) Sĩ Văn Q1, nơi thường trú: Ấp G, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền 33.900.000 đồng; (14) Dương Tự T3, nơi thường trú: Ấp G, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền 10.000.000 đồng; (15) Nguyễn Thị T4, nơi thường trú: Ấp P, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền 60.000.000 đồng; (16) Nguyễn Thành D, nơi thường trú: Ấp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền 35.400.000 đồng; (17) Nguyễn Văn H3, nơi thường trú: Ấp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền 48.800.000 đồng; (18) Nguyễn Thanh N7, nơi thường trú: Ấp C, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh số tiền 20.000.000 đồng; (19) Ngô Hoàng L2, nơi thường trú: Khóm L, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mẹ ruột là Lê Thị Mỹ N11) số tiền 101.000.000 đồng; (20) Nguyễn Thị Thu B1, nơi thường trú: Ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh số tiền 30.000.000 đồng; (21) Châu Văn T5, nơi thường trú: Ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh số tiền 122.000.000 đồng; (22) Huỳnh Văn V1, nơi thường trú: Ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh số tiền 30.000.000 đồng; (23) Trần Ngọc N8, nơi thường trú: Ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh số tiền 44.200.000 đồng; (24) Trương Văn K1, nơi thường trú: Ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh số tiền 165.500.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Đ đã nhận từ 24 hộ nuôi tôm là 1.341.360.000 đồng, bị cáo không đăng nộp kế toán mà dùng thủ đoạn gian dối như nêu trên để chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Đến tháng 8/2018, bà Lê Thị Mộng K3, nơi thường trú: Ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là nhân viên kế toán Tân Trường H4 tiến hành đối chiếu công nợ của tất cả các khách hàng để bàn giao, chuyển sang nhiệm vụ khác thì phát hiện bị cáo Đ chiếm đoạt số tiền nêu trên. Sau khi bị phát hiện, bị cáo Đ đã

tác động Võ Văn H và bà Huỳnh Thị C, cùng cư trú ấp B, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu là cha mẹ ruột của bị cáo nộp trả lại cho hộ kinh doanh T11 số tiền 644.095.000 đồng, còn lại 697.265.000 đồng bị cáo không khả năng chi trả nên bỏ trốn khỏi địa phương.

2. Đối với hộ kinh doanh T10:

Được thành lập và đăng ký lần đầu vào ngày 30/8/2018 do bà Bùi Hải Y, nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh làm chủ hộ kinh doanh, trụ sở tại: Ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Sau đó, bà Bùi Hải Y chuyển giao lại toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh T10 cho bà Lê Thị Mộng K3, nơi thường trú: Ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp làm chủ hộ kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 58I8001347 do Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã D cấp ngày 17/6/2019. Đến ngày 28/3/2023, bà Lê Thị Mộng K3 chuyển giao lại toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh của Tân Quang M cho ông Nguyễn Văn S, nơi thường trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến ngày 07/3/2024, ông Nguyễn Văn S chuyển giao lại cho ông Nguyễn Trần Phương N10, nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh làm chủ hộ kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 5818002732 ngày 04/5/2024 cho đến nay. Bị cáo Võ Quyết Đ được phân công hỗ trợ hoạt động kinh doanh cho hộ kinh doanh T10 kể từ khoảng tháng 8/2018, nhiệm vụ tương tự như hỗ trợ hộ kinh doanh T11. Thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 11/2019, bị cáo Đ đã chiếm đoạt của hộ kinh doanh T10 tổng số tiền 322.600.000 đồng thu của 06 khách hàng gồm: (1) Phạm Văn T6, nơi thường trú: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 70.000.000 đồng; (2) Cô Văn N12, nơi thường trú: Ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh số tiền 100.000.000 đồng; (3) Nguyễn Văn Đ, nơi thường trú: Khóm B, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 56.300.000 đồng; (4) Dương Văn N9, nơi thường trú: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 30.000.000 đồng; (5) Đoàn Thị Kim T7, nơi thường trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 47.300.000 đồng; (6) Nguyễn Trung T8, nơi thường trú: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 19.000.000 đồng. Sau khi bị phát hiện, bị cáo Đ bỏ trốn chiếm đoạt số tiền trên.

Đến ngày 01/10/2024, bị cáo Võ Quyết Đ bị bắt tạm giam theo Lệnh bắt bị cáo để tạm giam số 222/LB-VPCQCSĐT của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T. Qua điều tra, bị cáo Võ Quyết Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Số tiền chiếm đoạt có được, bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trên trang không gian mạng nhưng không xác định bao nhiêu, không nhớ thông tin, địa chỉ trang mạng nên không có cơ sở xác minh xử lý.

Như vậy, từ năm 2017 đến tháng 11/2019, bị cáo Võ Quyết Đ đã nhận tiền công nợ thức ăn, thuốc, hóa chất nuôi tôm của 30 khách hàng trả hộ kinh doanh

Tân Trường H4 và Tân Quang M nhưng bị cáo không nộp cho kế toán mà dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tổng số tiền 1.019.875.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 395/KLGD ngày 30/9/2020 của Phòng K4 Công an tỉnh T kết luận: Chữ viết trên 22 tờ xác nhận trả tiền công nợ của những người có liên quan do hộ kinh doanh Tân Trường H4 giao nộp trong vụ án Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xảy ra tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh so với chữ viết của bị cáo Võ Quyết Đ là do cùng một người viết ra.

3. Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:

Các đồ vật, tài liệu tạm giữ bao gồm: Các tờ xác nhận trả tiền công nợ; bản tường trình của bị cáo Võ Quyết Đ do hộ kinh doanh T11 giao nộp cùng các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan được lưu vào hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKSTV-P1 ngày 27 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Võ Quyết Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Đối với 30 khách hàng trả tiền cho hộ kinh doanh Tân Trường H4 và Tân Quang M thông qua bị cáo Võ Quyết Đ nhưng không biết bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt, không có yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xử lý.

- Tại phiên tòa, bị cáo Võ Quyết Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thừa nhận lời khai, trình bày tại cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo, không bị cơ quan điều tra ép cung, dùng nhục hình đối với bị cáo.

Bị cáo thừa nhận chiếm đoạt của ông Trần Văn K đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh T11 và Tân Quang M số tiền 1.019.875.000 đồng như kết luận của cơ quan điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã truy tố.

- *Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, cũng như đánh giá về hành vi phạm tội của bị cáo. Vị Kiểm sát viên cho rằng đã đủ cơ sở quy kết bị cáo về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố nên Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Võ Quyết Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự; nêu lên tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Quyết Đ từ 13 năm đến 14 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về trách nhiệm dân sự cho bị hại, xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành bản án, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

- *Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Võ Quyết Đ:* Vị Luật sư hoàn toàn thống nhất với nội dung Cáo trạng và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình có người thân là người có công cách mạng, bị hại có đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và quyết định hình phạt thấp nhất của khung hình phạt đã truy tố tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Võ Quyết Đ thống nhất với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, quan điểm bào chữa của vị luật sư, không phát biểu tranh luận.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn K đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh T11 và Tân Quang M không yêu cầu bị cáo Võ Quyết Đ phải trả lại số tiền 1.019.875.000 đồng đã chiếm đoạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà bị cáo đã nhận tiền nhưng không giao nộp cho hộ kinh doanh Tân Trường H4 và Tân Quang M. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định và hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo và tội danh đối với bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Quyết Đ thừa nhận hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của ông Trần Văn K đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh T11 và Tân Quang M số tiền 1.019.875.000 đồng như nội dung Cáo trạng đã truy tố, mục đích chiếm đoạt tiền của ông Trần Văn K đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh Tân Trường H4 và Tân Quang M là để bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trên trang không gian mạng và tiêu xài cá nhân. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập được; có đầy đủ căn cứ kết luận bị cáo đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tiền của ông Trần Văn K đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh Tân Trường H4 và Tân Quang M số tiền 1.019.875.000 đồng. Hành vi của bị cáo Võ Quyết Đ đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Nhưng do bị cáo phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên thuộc tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Võ Quyết Đ tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi, hậu quả vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật Hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; lợi dụng lòng tin, của ông Trần Văn K, sự thiếu kiểm tra thường xuyên của hộ kinh doanh T11 và Tân Quang M nên bị cáo đưa ra những thông tin không có thật để bị cáo chiếm đoạt tiền của ông Trần Văn K là đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh T11 và Tân Quang M. Hành vi đó thể hiện thái độ xem thường kỷ cương, pháp luật. Sau khi bị cáo chiếm đoạt tiền của hộ kinh doanh T11 và Tân Quang M bị cáo bỏ trốn lên Thành phố Hồ Chí Minh, tại đây bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phạt 01 (Một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 221/2022/HS-ST ngày 24/6/2022. Hành vi trên cho thấy bị cáo không có ý

thức sửa chữa bản thân nên áp dụng cho bị cáo một mức án nghiêm khắc, có thời hạn để giáo dục bản thân bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là phạm tội 2 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có người thân nhân là người có công với cách mạng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật về tội danh, về tình tiết định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Tuy nhiên Vị Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của ông Trần Văn K đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh T11 và Tân Quang M không yêu cầu bị cáo Võ Quyết Đ phải trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt 1.019.875.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Các tờ xác nhận trả tiền công nợ; bản tường trình của bị cáo Võ Quyết Đ do hộ kinh doanh T11 giao nộp cùng các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan được lưu vào hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo Võ Quyết Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Võ Quyết Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ Quyết Đ 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại ông Trần Văn K đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh T11 và Tân Quang M không yêu cầu bị cáo Võ Quyết Đ phải trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt 1.019.875.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Các tờ xác nhận trả tiền công nợ; bản tường trình của bị cáo Võ Quyết Đ do hộ kinh doanh T11 giao nộp cùng các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan được lưu vào hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Võ Quyết Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết nơi cư trú để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- CQCSĐT - CA tỉnh Trà Vinh
- CQTHAHS - CA tỉnh Trà Vinh
- Trại TG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Văn Hùng